TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 03/3/2021
"V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Khải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Thắng.

2. Ông Hoàng Ngọc Ánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2020/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 27/01/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số: 04/2021/TB - TA ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Ánh D**, sinh năm 2000.

HKTT: Thôn Gia Khau, xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn*: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1996.

HKTT: Thôn Đông Thịnh, xã Yên Lãng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2020, bản tự khai ngày 08/10/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H đều đi làm quán ăn nhà hàng ở Hà Nội, có quen biết gặp gỡ nhau và phát sinh tình cảm, chung sống với nhau như vợ chồng và có với nhau một người con chung sinh năm 2017, đến tháng 7 năm 2018 chị D và anh H mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà anh H tại xã Yên Lãng được một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng lại chuyển về sinh sống cùng với mẹ đẻ chị D là bà Sái Thị A tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên. Khoảng cuối năm 2018 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, bản thân anh H hay chơi bời cờ bạc, không tập trung làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, có mối quan hệ bên ngoài, chị D và mẹ đẻ chị có khuyên bảo, nhắc nhở nhiều lần nhưng anh H không có thay đổi, sửa chữa gì, vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau, khi nóng giận anh H còn xúc phạm cả gia đình nhà chị. Từ đầu năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến nhau, chị cũng không biết hiện tại anh H làm gì, ở đâu. Chị D đi làm công nhân ở Vĩnh Phúc cách nhà mẹ đẻ khoảng 10 km, chị và con đều ở cùng với mẹ đẻ tiện cho sinh hoạt, công việc. Nay chị D nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm với anh H không còn nên xin ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị D trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Gia Huy, sinh ngày 07/8/2017, hiện cháu đang ở với chị D và mẹ đẻ chị tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, anh H đi làm ăn không chu cấp gì cho con, không quan tâm đến con. Nếu ly hôn chị D xin được nuôi con chung đến khi cháu thành niên. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Thu nhập bình quân của chị khoảng 6.000.000đ/ 1 tháng, chị làm giờ hành chính không phải làm ca đêm, chị và con ở cùng với mẹ đẻ có nhà ở ổn định, đảm bảo cuộc sống.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị D trình bày vợ chồng không có nên khi ly hôn chị không có đề nghị gì.

Phía bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về việc đăng ký hộ khẩu thường trú, hoàn cảnh gia đình, tình trạng hôn nhân giữa chị D với anh H.

Theo kết quả xác minh ngày 28/12/2020 tại Ban công an xã Yên Lãng, huyện Thanh Sơn xác định anh Hòa có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đông Thịnh, xã Yên Lãng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, anh H ở chung hộ khẩu với gia đình nhà ông ngoại là Đinh Văn S. Tại biên bản xác minh, trưởng khu hành chính xóm Đông Thịnh, xã Yên Lãng, huyện Thanh Sơn cũng xác định chị D và anh H kết hôn với nhau năm 2018, sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với gia đình anh H tại xã Yên Lãng một thời gian, sau đó vợ chồng anh chị chuyển về gia đình nhà chị D ở huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc để sinh sống. Trong thời gian sinh sống tại xã Yên Lãng vợ chồng chị D và anh H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Thời gian gần đây không thấy chị D và con về nhà anh H để ở, theo ông trưởng khu thì hiện nay vợ chồng anh chị đang sống ly thân thời gian dài mỗi người một nơi, không chung sống với nhau nữa. Về hoàn cảnh gia đình anh Hòa: Bố đẻ anh là ông Lê Văn V và mẹ đẻ Đinh Thị T đã ly hôn từ rất lâu, sau khi ly hôn bố anh H chuyển lên tỉnh Hòa Bình để làm ăn sinh sống, còn mẹ đẻ anh thì đi làm giúp việc gia đình ở Hà Nội, một năm khoảng một đến hai lần về gia đình nhà ông bà ngoại. Ông V và bà T chỉ có anh H là con chung duy nhất. Về việc vắng mặt của anh H tại địa phương: Anh H thường xuyên đi làm ăn xa, còn anh làm công việc gì và ở đâu thì khu hành chính, địa phương không biết. Anh đi làm ăn có thi thoảng về địa phương, khi về nhà thì chủ yếu về nhà ông bà ngoại là ông S, bà L hoặc nhà cậu ruột cạnh nhà ông bà ngoại để ở, chơi vài ngày rồi lại đi làm ăn, anh H không có nhà riêng tại địa phương.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 13/01/2021. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh D, xử cho chị D được ly hôn anh Lê Văn H. Về con chung: Giao cháu Lê Gia H, sinh ngày 07/8/2017 cho chị D được tiếp tục nuôi

dưỡng đến khi cháu thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị D tự nguyện không yêu cầu. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 07/10/2020 chị Nguyễn Thị Ánh D nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với anh Lê Văn H, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13/01/2021. Anh Lê Văn H không có mặt tại địa phương, Tòa án đã đến gia đình ông bà ngoại, cậu ruột của anh H để làm việc, lấy lời khai, tống đạt các văn bản tố tụng, tuy nhiên phía người thân gia đình anh H không hợp tác, không đồng ý để Tòa án làm việc, lấy lời khai, không nhận các văn bản tố tụng, người thân anh H cũng có thông tin cho anh được biết về việc chị D xin ly hôn. Như vậy anh H có biết việc chị D xin ly hôn, có biết việc Tòa án lên gia đình để giải quyết ly hôn nhưng anh cố tình trốn tránh, không hợp tác, vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến khi mở phiên tòa anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D, anh H là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh D và anh Lê Văn H đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình anh H, sau đó vợ chồng chuyển về nhà chị D để làm ăn, sinh sống. Trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không cùng nhau có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không tin tưởng nhau và thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau, nội dung này đã được đương sự trình bày tại Tòa án. Kết quả xác minh tại địa phương cũng xác định vợ chồng chị D và anh H có mâu thuẫn,

nguyên nhân chủ yếu từ phía anh H, thực tế anh chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài. Tại biên bản lấy lời khai của bà Sái Thị A là mẹ đẻ chị D cũng xác định: Vợ chồng chị D, anh H khi về chung sống cùng gia đình nhà bà có xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, khi chị D sinh con ở nhà chăm sóc, không đi làm được nên vợ chồng xẩy ra to tiếng, cãi nhau, anh H còn đánh chị D. Bản thân bà có khuyên bảo rất nhiều lần nhưng anh H không có sự thay đổi gì mà còn có lời lẽ xúc phạm đến cả gia đình bà. Đến năm 2019 vợ chồng căng thẳng, cãi nhau vì chuyện tình cảm anh H bỏ đi làm ăn từ thời gian đó bỏ mặc mẹ con chị D, không về nhà cũng không có sự quan tâm gì, thỉnh thoảng anh H có gọi điện về hỏi thăm con nhỏ, không có chu cấp, đóng góp gì để chị D nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị D xin ly hôn với anh H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị D và anh H có 01 con chung là cháu Lê Gia Huy, sinh ngày 07/8/2017, hiện cháu đang ở với chị Duyên và gia đình nhà ngoại tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị D với anh H kết hôn với nhau năm 2018, cháu H được sinh ra năm 2017, đây là thời điểm anh chị chưa kết hôn, là sự bất hợp lý, tuy nhiên vấn đề này đã được chứng minh ở giấy khai sinh của cháu Lê Gia H, bản thân chị D cũng thừa nhận là con chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị D và anh H ly thân đầu năm 2019 đến nay, cháu H ở với chị D được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, bản thân anh Hòa không quan tâm hoặc chu cấp gì để chị D nuôi con, điều đó thể hiện anh H không có trách nhiệm với con chung. Cháu H còn nhỏ vừa được hơn 3 tuổi nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, mặt khác chị D đi làm công nhân có thu nhập và chỗ ở ổn định, trong khi anh H không thường xuyên có mặt ở địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường, cháu có điều kiện ăn học tốt nhất, phát triển toàn diện, tránh được sự sáo trộn về môi trường, tâm lý cũng như ảnh hưởng đến việc học tập của cháu H cần giao con chung của anh chị cho chị D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị D tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị D xác định không có, ly hôn chị không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị D phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh D đối với anh Lê Văn H. Xử cho chị Nguyễn Thị Ánh D được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Gia H, sinh ngày 07/8/2017 cho chị Nguyễn Thị Ánh D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu thành niên. Anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị D tự nguyện không yêu cầu. Sau khi ly hôn anh H không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2020/0003262 ngày 08/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã Trung Mỹ, H. Bình Xuyên;*
- *UBND xã Yên Lãng, H. Thanh Sơn;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Quang Khải